ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 90 /2026/QĐ-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp và quy định trách nhiệm, chế tài xử lý đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc khảo sát, thu thập thông tin giá các yếu tố chi phí trực tiếp cấu thành giá công tác xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 209/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP của Chính phủ về xử lý khó khăn, vướng mắc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về khu công nghiệp, địa chất, khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 41/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 6436/TTr-SXD ngày 23 tháng 10 năm 2026 kèm theo báo cáo thẩm định và ý kiến của Sở Tư pháp

tại Văn bản số 449/BC-STP ngày 29 tháng 8 năm 2026, Văn bản số 2680/STP-XDPL ngày 05 tháng 10 năm 2026 và Văn bản số 2868/STP-XDPL ngày 20 tháng 10 năm 2026; ý kiến thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh bằng phiếu biểu quyết.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp và quy định trách nhiệm, chế tài xử lý đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc khảo sát, thu thập thông tin giá các yếu tố chi phí trực tiếp cấu thành giá công tác xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp và quy định trách nhiệm, chế tài xử lý đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc khảo sát, thu thập thông tin giá các yếu tố chi phí trực tiếp cấu thành giá công tác xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy chế phối hợp thực hiện khảo sát, công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các chủ đầu tư, ban quản lý dự án; các tổ chức, cá nhân sản xuất, cung ứng vật liệu xây dựng, cung ứng nhân công xây dựng, kinh doanh, cho thuê máy và thiết bị thi công xây dựng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hà Tĩnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm TT&XT, HTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, XD_1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Huy Thành

Số: 90/2026/QĐ-UBND; 13/11/2026; 8:39:13

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp và quy định trách nhiệm, chế tài xử lý đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc khảo sát, thu thập thông tin giá các yếu tố chi phí trực tiếp cấu thành giá công tác xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức phối hợp; trách nhiệm và chế tài xử lý đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc khảo sát, thu thập thông tin giá các yếu tố chi phí trực tiếp cấu thành giá công tác xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; việc phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin phục vụ kiểm tra, giám sát việc kê khai, niêm yết giá và chấp hành pháp luật về giá theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Quy chế này quy định việc phối hợp cung cấp, trao đổi, kiểm tra, xác minh hồ sơ kỹ thuật và dữ liệu cần thiết phục vụ xác định định mức các hao phí và các dữ liệu cơ bản để tính giá ca máy đối với các loại máy, thiết bị mà các định mức, dữ liệu này chưa được Bộ Xây dựng, các Bộ quản lý công trình xây dựng công bố.

3. Những nội dung không được quy định tại Quy chế này thực hiện theo Nghị định số 206/2026/NĐ-CP, Thông tư số 36/2026/TT-BXD, Thông tư số 37/2026/TT-BXD và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thuế tỉnh Hà Tĩnh.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường.

3. Chủ đầu tư, ban quản lý dự án, tổ chức tư vấn, nhà thầu xây dựng.

4. Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, tổ chức, cá nhân sản xuất, khai thác, gia công, nhập khẩu, phân phối, kinh doanh vật liệu xây dựng; cung ứng nhân công xây dựng; kinh doanh, cho thuê máy và thiết bị thi công xây dựng.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc khảo sát, thu thập thông tin giá theo Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp được thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, bảo đảm đúng thẩm quyền, khách quan, công khai, minh bạch, kịp thời và được thực hiện xuyên suốt từ khâu khảo sát, thu thập thông tin đến rà soát, đối chiếu, kiểm tra, xác minh, xử lý thông tin, tham gia ý kiến đối với dự thảo công bố.

2. Chỉ yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết, trực tiếp phục vụ khảo sát, thu thập, kiểm tra, xác minh thông tin giá; không làm phát sinh thủ tục hành chính hoặc nghĩa vụ báo cáo ngoài quy định của pháp luật. Thời hạn cung cấp thông tin thực hiện theo quy định pháp luật, Quy chế này và hướng dẫn, yêu cầu khảo sát cụ thể của Sở Xây dựng; không hạn chế trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin theo khoản 6 Điều 11 Thông tư số 36/2026/TT-BXD.

3. Việc lựa chọn đầu mối, mẫu khảo sát và nguồn thông tin phải bảo đảm tính đại diện, độ tin cậy, phù hợp điều kiện thị trường và phương pháp do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định.

4. Việc khai thác, chia sẻ thông tin kê khai giá, hóa đơn, chứng từ và các dữ liệu khác phải đúng mục đích, phạm vi, thẩm quyền; bảo đảm bí mật thông tin và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Việc trao đổi, cung cấp thông tin được thực hiện bằng văn bản, biểu mẫu dữ liệu, thư điện tử công vụ, trang thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng, hệ thống thông tin hoặc phương thức điện tử phù hợp. Hồ sơ, tài liệu bản giấy chỉ được yêu cầu khi cần kiểm chứng, đối chiếu thông tin hoặc pháp luật chuyên ngành có quy định.

2. Trường hợp cần thiết, việc phối hợp được thực hiện thông qua họp, hội nghị, lấy ý kiến bằng văn bản, khảo sát, kiểm tra, xác minh thực tế hoặc cử đại diện tham gia các hoạt động phối hợp.

3. Việc kết nối, trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, quy định về quản lý, khai thác dữ liệu và bảo mật thông tin.

Chương II
NỘI DUNG PHỐI HỢP KHẢO SÁT, THU THẬP THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Điều 5. Phối hợp khảo sát, thu thập thông tin giá vật liệu xây dựng

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng, cập nhật danh sách đầu mối cung cấp thông tin giá vật liệu xây dựng trên thị trường theo phương pháp tại Phụ lục II Thông tư số 37/2026/TT-BXD, trong đó có chủ đầu tư, nhà thầu thi công của một số dự án đầu tư công và một số doanh nghiệp sản xuất, cung ứng vật liệu xây dựng trên địa bàn; đồng thời

tiếp nhận thông tin của các đối tượng có trách nhiệm chủ động cung cấp theo khoản 6 Điều 11 Thông tư số 36/2026/TT-BXD.

2. Thông tin từ địa bàn cấp xã phục vụ khảo sát gồm thông tin về mỏ, cơ sở khai thác, cơ sở sản xuất, nhà máy, bãi tập kết, cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng, nguồn cung, tình trạng hoạt động, địa điểm và các thông tin có liên quan thuộc phạm vi quản lý, có khả năng tiếp cận và kiểm chứng.

3. Chủ đầu tư, ban quản lý dự án, tổ chức tư vấn, nhà thầu phối hợp cung cấp thông tin giá vật liệu xây dựng từ các dự án, công trình, hồ sơ giao dịch và nguồn tin phù hợp theo phương pháp tại Phụ lục II Thông tư số 37/2026/TT-BXD. Trường hợp thuộc đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 11 Thông tư số 36/2026/TT-BXD thì chủ động tổng hợp, cung cấp thông tin theo hướng dẫn của Sở Xây dựng. Dữ liệu cung cấp thể hiện các nội dung về loại vật liệu, tiêu chuẩn, quy cách, nguồn gốc, giá, thời điểm, địa điểm giao nhận, điều kiện cung ứng, vận chuyển và tài liệu kiểm chứng trong phạm vi có thông tin.

4. Thông tin từ tổ chức, cá nhân sản xuất, khai thác, cung ứng, kinh doanh vật liệu xây dựng gồm chủng loại, tiêu chuẩn, quy cách, nguồn gốc, giá bán, điều kiện thương mại, địa điểm giao hàng, khả năng cung ứng và các thông tin cần thiết khác theo phương pháp khảo sát.

5. Việc lựa chọn địa bàn, nguồn thông tin, đối tượng và đầu mối khảo sát thực hiện theo phương pháp do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định; phạm vi khảo sát được rà soát, điều chỉnh khi cần thiết để bảo đảm phù hợp thực tế thị trường.

6. Thông tin giá vật liệu xây dựng được thu thập, tổng hợp hằng tháng để phục vụ công bố định kỳ hằng tháng hoặc hằng quý theo điểm c khoản 3 Điều 11 Thông tư số 36/2026/TT-BXD. Các đầu mối cung cấp thông tin thường xuyên gửi dữ liệu đến Sở Xây dựng chậm nhất ngày 20 hằng tháng; đối với vật liệu xây dựng có biến động bất thường và trường hợp cần khảo sát, xác minh bổ sung, thực hiện theo thời hạn cụ thể do Sở Xây dựng thông báo, bảo đảm tiến độ công bố theo quy định. Việc xác định thời hạn này không thay thế trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin theo quy định pháp luật.

7. Nội dung, biểu mẫu và phương thức khảo sát thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Việc cung cấp thông tin phục vụ phối hợp thực hiện theo các mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này: Mẫu số 01 đối với thông tin giá vật liệu xây dựng do các đầu mối cung cấp; Mẫu số 02 đối với thông tin tổng hợp từ địa bàn của Ủy ban nhân dân các xã, phường. Trường hợp cần hồ sơ, tài liệu chứng minh thì chỉ yêu cầu trong phạm vi cần thiết để kiểm chứng thông tin.

Điều 6. Phối hợp rà soát, xử lý thông tin và tham gia ý kiến đối với dự thảo công bố thông tin giá vật liệu xây dựng

1. Trên cơ sở kết quả khảo sát, thu thập thông tin theo Điều 5 Quy chế này, Sở Xây dựng tổ chức rà soát, xử lý thông tin theo hướng dẫn tại Phụ lục II Thông tư số 37/2026/TT-BXD; trên cơ sở đó, Sở Xây dựng hoàn thiện dự thảo công bố

và gửi các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia ý kiến theo yêu cầu thực tế.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được đề nghị tham gia ý kiến nghiên cứu, gửi ý kiến về Sở Xây dựng trong thời hạn ghi tại văn bản lấy ý kiến; trường hợp có ý kiến chưa thống nhất hoặc đề xuất bổ sung, điều chỉnh thông tin thì nêu rõ căn cứ và cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết để đối chiếu, kiểm chứng.

3. Sở Xây dựng tổng hợp ý kiến, rà soát thông tin, hoàn thiện hồ sơ và thực hiện công bố theo quy định.

Chương III
NỘI DUNG PHỐI HỢP KHẢO SÁT, THU THẬP THÔNG TIN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG

Điều 7. Phối hợp khảo sát, thu thập thông tin giá nhân công xây dựng

1. Việc khảo sát, thu thập thông tin giá nhân công xây dựng do Sở Xây dựng tổ chức theo nhóm nhân công, khu vực, đối tượng và nguồn thông tin theo phương pháp do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định.

2. Nội dung thông tin khảo sát gồm tiền lương thực tế, nhóm nhân công, công việc, điều kiện lao động và các thông tin cần thiết khác. Nguồn thông tin được lựa chọn từ Ủy ban nhân dân các xã, phường; chủ đầu tư, ban quản lý dự án, tổ chức tư vấn, nhà thầu; công trình, dự án, doanh nghiệp, tổ chức cung ứng lao động và các nguồn thông tin phù hợp khác được lựa chọn theo phương pháp khảo sát.

3. Việc lựa chọn khu vực, đối tượng và nguồn thông tin khảo sát thực hiện theo phương pháp do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định.

4. Việc cung cấp thông tin thực hiện theo kỳ khảo sát và thời hạn do Sở Xây dựng thông báo, phù hợp với phương pháp và thời điểm xác định, công bố giá nhân công xây dựng; thời hạn được xác định đủ để tổng hợp, kiểm tra, xác minh và hoàn thiện hồ sơ.

5. Việc cung cấp thông tin phục vụ khảo sát giá nhân công xây dựng thực hiện theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này; mẫu phục vụ phối hợp tiếp nhận, tổng hợp, kiểm chứng thông tin và không thay thế biểu mẫu chuyên môn của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 8. Phối hợp tham gia ý kiến đối với dự thảo công bố giá nhân công xây dựng

1. Trường hợp cần thiết theo yêu cầu thực tế, Sở Xây dựng gửi dự thảo công bố giá nhân công xây dựng đến cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan được lựa chọn để tham gia ý kiến.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được đề nghị tham gia ý kiến nghiên cứu, gửi ý kiến về Sở Xây dựng trong thời hạn ghi tại văn bản lấy ý kiến; trường

hợp đề xuất bổ sung, điều chỉnh thông tin thì cung cấp căn cứ và tài liệu cần thiết để đối chiếu, kiểm chứng.

3. Sở Xây dựng tổng hợp, rà soát, hoàn thiện hồ sơ và thực hiện công bố theo quy định.

Chương IV
NỘI DUNG PHỐI HỢP KHẢO SÁT, THU THẬP THÔNG TIN GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG

Điều 9. Phối hợp khảo sát, thu thập thông tin giá ca máy và thiết bị thi công

1. Việc khảo sát, thu thập thông tin về giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công do Sở Xây dựng tổ chức theo phương pháp do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp cung cấp thông tin về tổ chức, cá nhân kinh doanh, cho thuê máy và thiết bị thi công, công trình có sử dụng máy, thiết bị thi công trên địa bàn trong phạm vi thông tin thuộc quản lý, có khả năng tiếp cận và kiểm chứng.

3. Đối với máy, thiết bị mà định mức các hao phí và dữ liệu cơ bản để tính giá ca máy chưa được Bộ Xây dựng, các Bộ quản lý công trình xây dựng công bố, việc phối hợp gồm cung cấp, trao đổi, kiểm tra, xác minh hồ sơ kỹ thuật và dữ liệu cần thiết phục vụ xác định các định mức, dữ liệu này theo quy định của pháp luật.

4. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều này, việc cung cấp hồ sơ kỹ thuật, dữ liệu theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này khi cần sử dụng biểu mẫu. Sở Xây dựng thông báo cụ thể loại máy, thiết bị, nội dung, hồ sơ cần cung cấp và thời hạn phù hợp; chỉ yêu cầu các dữ liệu cần thiết phục vụ xác định, kiểm chứng.

5. Việc lựa chọn máy, thiết bị, đối tượng và nguồn thông tin khảo sát thực hiện theo phương pháp do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định; việc cung cấp thông tin thực hiện theo kỳ khảo sát và thời hạn do Sở Xây dựng thông báo. Hồ sơ, tài liệu chỉ được yêu cầu trong phạm vi cần thiết để nhận diện đối tượng và kiểm chứng thông tin.

6. Việc cung cấp thông tin phục vụ khảo sát giá ca máy và thiết bị thi công, bao gồm giá thuê máy và thiết bị thi công, thực hiện theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 10. Phối hợp tham gia ý kiến đối với dự thảo công bố giá ca máy và thiết bị thi công

1. Trường hợp cần thiết theo yêu cầu thực tế, Sở Xây dựng gửi dự thảo công bố giá ca máy và thiết bị thi công đến cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan được lựa chọn để tham gia ý kiến.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được đề nghị tham gia ý kiến nghiên cứu, gửi ý kiến về Sở Xây dựng trong thời hạn ghi tại văn bản lấy ý kiến; trường hợp đề xuất bổ sung, điều chỉnh thông tin thì cung cấp căn cứ, hồ sơ, tài liệu cần thiết để đối chiếu, kiểm chứng.

3. Sở Xây dựng tổng hợp, rà soát, hoàn thiện hồ sơ và thực hiện công bố theo quy định.

Chương V
PHỐI HỢP KIỂM TRA, XÁC MINH; CUNG CẤP, TRAO ĐỔI THÔNG TIN VỀ GIÁ

Điều 11. Phối hợp kiểm tra, xác minh thông tin

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, kiểm tra, xác minh thông tin giá, nguồn cung và các thông tin có liên quan trong phạm vi phục vụ khảo sát, thu thập thông tin.

2. Cơ quan, đơn vị được đề nghị phối hợp thực hiện kiểm tra, xác minh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; trường hợp nội dung vượt thẩm quyền thì chuyển hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

3. Khi thông tin cung cấp có sai lệch, chưa rõ hoặc có dấu hiệu không phù hợp với thực tế thị trường, Sở Xây dựng đề nghị chủ thể cung cấp bổ sung, giải trình hoặc phối hợp xác minh; việc xử lý thông tin thực hiện theo phương pháp chuyên ngành và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Kết quả kiểm tra, xác minh được sử dụng để rà soát, xử lý thông tin và hoàn thiện hồ sơ công bố giá theo thẩm quyền; không làm phát sinh thủ tục hành chính hoặc nghĩa vụ báo cáo ngoài quy định.

Điều 12. Phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin phục vụ kiểm tra, giám sát việc kê khai, niêm yết giá và chấp hành pháp luật về giá

1. Việc khai thác thông tin kê khai giá, niêm yết giá, hóa đơn, chứng từ và các dữ liệu về giá thực hiện theo pháp luật về giá và trong phạm vi phục vụ khảo sát, thu thập, kiểm tra, xác minh thông tin giá các yếu tố chi phí trực tiếp.

2. Các cơ quan, đơn vị phối hợp cung cấp, trao đổi, xác minh thông tin về kê khai giá, niêm yết giá và chấp hành pháp luật về giá trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền; không sử dụng Quy chế này để đặt ra trình tự, thủ tục kê khai giá, niêm yết giá hoặc nghĩa vụ báo cáo mới.

3. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá, cơ quan phát hiện chuyển hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xử lý theo quy định.

4. Việc cung cấp, sử dụng thông tin thuế, hóa đơn, chứng từ và thông tin thuộc diện bảo mật phải tuân thủ pháp luật chuyên ngành, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Chương VI
TRÁCH NHIỆM VÀ PHỐI HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, chủ trì tổ chức thực hiện Quy chế; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc phối hợp cung cấp thông tin theo phạm vi Quy chế.

2. Đối với giá vật liệu xây dựng: xây dựng kế hoạch; xác định danh mục, khu vực, địa điểm, nguồn và đầu mối khảo sát; tổ chức khảo sát, thu thập, chuẩn hóa, xử lý thông tin và xác định giá vật liệu xây dựng theo phương pháp chuyên ngành tương ứng.

3. Đối với giá nhân công xây dựng: xác định khu vực, đối tượng, nguồn thông tin và đầu mối khảo sát; tổ chức khảo sát, thu thập, xử lý số liệu và xác định giá nhân công xây dựng theo phương pháp chuyên ngành tương ứng.

4. Đối với giá ca máy và thiết bị thi công: xác định danh mục máy, khu vực, đối tượng, nguồn thông tin và đầu mối khảo sát; tổ chức khảo sát giá ca máy, giá thuê máy và thiết bị thi công; thu thập, xử lý số liệu và xác định giá ca máy và thiết bị thi công theo phương pháp chuyên ngành tương ứng.

5. Đối với định mức các hao phí và các dữ liệu cơ bản để tính giá ca máy của các loại máy, thiết bị quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này: chủ trì thu thập hồ sơ kỹ thuật, dữ liệu có liên quan; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, chủ đầu tư, ban quản lý dự án, tổ chức tư vấn, nhà thầu và các tổ chức, cá nhân có liên quan để kiểm tra, xác minh; xác định theo phương pháp chuyên ngành, hoàn thiện hồ sơ để báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ thuộc thẩm quyền theo quy định.

6. Tổ chức công bố thông tin giá vật liệu xây dựng, giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công (bao gồm giá thuê máy và thiết bị thi công nếu có) theo khoản 2 Điều 11 Thông tư số 36/2026/TT-BXD và khoản 1 Điều 2 Quyết định số 79/2026/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện công bố bổ sung, điều chỉnh, đính chính khi có đủ căn cứ theo quy định.

7. Lập, rà soát, cập nhật danh sách đầu mối cung cấp thông tin; phổ biến, tổ chức tập huấn, hướng dẫn thực hiện Quy chế, biểu mẫu, phương thức cung cấp thông tin; hướng dẫn kỹ thuật, định dạng dữ liệu, thời hạn cụ thể và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong quá trình phối hợp cung cấp thông tin.

8. Tổ chức khảo sát, kiểm tra thực tế; lựa chọn, thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực khi cần thiết theo quy định; tham khảo ý kiến các cơ quan, tổ chức và chuyên gia có liên quan theo phương pháp chuyên ngành.

9. Chủ trì, phối hợp kiểm tra, xác minh thông tin về giá, nguồn cung, điều kiện giao dịch, tiêu chuẩn, quy cách và dữ liệu kỹ thuật; đề nghị các chủ thể cung cấp giải trình, bổ sung thông tin trong phạm vi cần thiết để kiểm chứng.

10. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến thông tin giá; theo dõi biến động giá, nguồn cung; tổ chức khảo sát, xác minh bổ sung và công bố điều chỉnh, bổ sung, đính chính thông tin giá thuộc thẩm quyền khi có đủ căn cứ, theo quy định.

11. Cập nhật, kết nối, gửi dữ liệu về Bộ Xây dựng; quản lý, lưu trữ, khai thác hồ sơ, cơ sở dữ liệu về khảo sát, thu thập và công bố giá các yếu tố chi phí trực tiếp theo quy định.

12. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng theo quy định và khi có yêu cầu; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm phối hợp để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin, dữ liệu về giá, thị trường, kê khai giá, niêm yết giá và các dữ liệu có liên quan trực tiếp đến việc khảo sát, thu thập, đối chiếu thông tin giá các yếu tố chi phí trực tiếp.

2. Phối hợp cung cấp, trao đổi và xác minh các dữ liệu về giá, yếu tố hình thành giá, thông tin kê khai, niêm yết giá thuộc phạm vi quản lý nhằm đối chiếu, phân tích, kiểm chứng thông tin giá phục vụ việc khảo sát, thu thập, đối chiếu và kiểm chứng thông tin giá theo Quy chế này.

3. Tham gia ý kiến đối với thông tin, dữ liệu hoặc dự thảo công bố giá và thực hiện các nhiệm vụ phối hợp khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

4. Phối hợp cung cấp, trao đổi kết quả rà soát, kiểm tra thuộc phạm vi quản lý khi thông tin có liên quan trực tiếp đến việc khảo sát, đối chiếu và kiểm chứng giá các yếu tố chi phí trực tiếp.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phối hợp cung cấp cho Sở Xây dựng thông tin thuộc phạm vi quản lý về mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng, gồm vị trí, tình trạng pháp lý, trữ lượng, công suất, sản lượng, thời hạn khai thác, tình trạng hoạt động và các thông tin có liên quan trực tiếp đến việc khảo sát, kiểm chứng thông tin giá, nguồn cung vật liệu.

2. Khi phát sinh việc cấp mới, gia hạn, điều chỉnh, tạm dừng, chấm dứt hoạt động, đóng cửa mỏ hoặc thay đổi khác của nguồn vật liệu có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn cung, giá vật liệu xây dựng trên địa bàn, trao đổi thông tin thuộc phạm vi quản lý với Sở Xây dựng để phục vụ khảo sát, kiểm chứng thông tin giá.

3. Phối hợp cung cấp, xác minh thông tin về thị trường, lưu thông hàng hóa, nhiên liệu, năng lượng, nguồn cung và các yếu tố thuộc lĩnh vực quản lý có liên quan trực tiếp đến giá vật liệu xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công.

4. Phối hợp khảo sát, đối chiếu, xác minh thông tin nguồn cung, giao dịch và giá vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; trường hợp có thông tin cần xử lý vượt thẩm quyền thì chuyển cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

5. Tham gia ý kiến, khảo sát thực tế và thực hiện nhiệm vụ phối hợp khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

6. Phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin về kê khai giá, niêm yết giá và kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá thuộc phạm vi quản lý khi có liên quan trực tiếp đến nội dung khảo sát, thu thập, đối chiếu, kiểm chứng thông tin giá.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Phối hợp cung cấp, hướng dẫn thông tin thuộc phạm vi quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, nhãn hàng hóa, truy xuất nguồn gốc và các dữ liệu kỹ thuật cần thiết để nhận diện, đối chiếu vật liệu xây dựng, máy và thiết bị thi công.

2. Phối hợp kiểm tra, xác minh thông tin về tiêu chuẩn, chất lượng, quy cách, đo lường, truy xuất nguồn gốc và dữ liệu kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

3. Phối hợp cung cấp, xác minh hồ sơ, dữ liệu kỹ thuật phục vụ xác định định mức các hao phí và dữ liệu cơ bản để tính giá ca máy đối với các loại máy, thiết bị quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này.

4. Tham gia ý kiến và thực hiện nhiệm vụ phối hợp khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

Điều 17. Đề nghị Thuế tỉnh Hà Tĩnh phối hợp

1. Đề nghị Thuế tỉnh Hà Tĩnh phối hợp cung cấp, trao đổi hoặc xác minh thông tin liên quan đến hóa đơn, chứng từ và dữ liệu thuế trong phạm vi cần thiết phục vụ khảo sát, đối chiếu, kiểm chứng thông tin giá khi có đề nghị hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền; việc cung cấp, chia sẻ và sử dụng dữ liệu thuế thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế, bảo đảm bí mật thông tin và quyền, lợi ích hợp pháp của người nộp thuế.

2. Đề nghị Thuế tỉnh Hà Tĩnh phối hợp khảo sát, xác minh thông tin có liên quan đến phạm vi Quy chế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Phối hợp rà soát, cập nhật thông tin thuộc phạm vi quản lý về cơ sở sản xuất, khai thác, tập kết, nhà máy, cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng; tổ chức cung ứng lao động; cơ sở kinh doanh, cho thuê máy và thiết bị thi công trên địa bàn theo kế hoạch khảo sát hoặc khi được Sở Xây dựng đề nghị.

2. Đối với giá vật liệu xây dựng, phối hợp thu thập, tổng hợp và cung cấp thông tin có thể kiểm chứng về nguồn cung, địa điểm, tình trạng hoạt động, mức giá, điều kiện giao dịch, giao nhận và các thông tin có liên quan thuộc phạm vi quản lý; phối hợp khảo sát, kiểm tra, xác minh khi được đề nghị.

3. Đối với giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, phối hợp cung cấp thông tin về công trình, cơ sở, doanh nghiệp, tổ chức cung ứng lao động, kinh doanh, cho thuê máy trên địa bàn để lựa chọn nguồn khảo sát; việc phân công đầu mối phối hợp thực hiện theo Điều 23 Quy chế này.

4. Khi phát hiện biến động bất thường của giá, khan hiếm, gián đoạn nguồn cung hoặc thông tin không phù hợp thực tế thị trường có khả năng ảnh hưởng việc khảo sát, thu thập, công bố thông tin giá, phản ánh cho Sở Xây dựng trong phạm vi thông tin thuộc quản lý của địa phương.

5. Phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin về kê khai giá, niêm yết giá và kết quả kiểm tra thuộc phạm vi quản lý, địa bàn khi có liên quan trực tiếp đến việc đối chiếu, kiểm chứng thông tin giá theo Quy chế này.

Điều 19. Trách nhiệm của chủ đầu tư, ban quản lý dự án, tổ chức tư vấn và nhà thầu

1. Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng tại các dự án đầu tư công, dự án PPP trên địa bàn có trách nhiệm chủ động tổng hợp, cung cấp thông tin về giá các yếu tố chi phí trực tiếp và thông tin liên quan (nếu có) theo hướng dẫn của Sở Xây dựng, quy định tại khoản 6 Điều 11 Thông tư số 36/2026/TT-BXD. Các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, tổ chức tư vấn, nhà thầu khác phối hợp cung cấp thông tin khi được lựa chọn hoặc đề nghị khảo sát theo phương pháp tại Thông tư số 37/2026/TT-BXD.

2. Đối với giá vật liệu xây dựng, phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu về giá đã thu thập, tham khảo hoặc sử dụng trong quá trình lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo khoản 3 Điều 5 Quy chế này.

3. Đối với giá nhân công xây dựng, phối hợp cung cấp thông tin về tiền lương thực tế, nhóm nhân công, công việc, điều kiện lao động và các dữ liệu có liên quan tại công trình, dự án thuộc phạm vi quản lý hoặc thực hiện khi được lựa chọn hoặc đề nghị.

4. Đối với giá ca máy và thiết bị thi công, phối hợp cung cấp thông tin về máy, thiết bị, nguyên giá, giá thuê, thông số kỹ thuật, điều kiện thuê và hồ sơ có liên quan; đối với các loại máy, thiết bị quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này thì phối hợp cung cấp hồ sơ kỹ thuật, dữ liệu phục vụ xác định định mức các hao phí và dữ liệu cơ bản tính giá ca máy.

5. Phối hợp khảo sát, kiểm tra, xác minh; giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu trong phạm vi cần thiết để kiểm chứng dữ liệu đã cung cấp.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, hồ sơ, tài liệu do mình cung cấp.

Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, khai thác, cung ứng, kinh doanh

1. Các doanh nghiệp xây dựng; doanh nghiệp sản xuất, cung ứng vật liệu xây dựng, nhân công xây dựng; doanh nghiệp kinh doanh, cho thuê máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn có trách nhiệm chủ động tổng hợp, cung cấp

thông tin giá các yếu tố chi phí trực tiếp và thông tin liên quan (nếu có) theo hướng dẫn của Sở Xây dựng, theo khoản 6 Điều 11 Thông tư số 36/2026/TT-BXD. Các tổ chức, cá nhân khác phối hợp cung cấp thông tin khi được lựa chọn làm đầu mối khảo sát hoặc được đề nghị theo phương pháp của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; trường hợp máy, thiết bị quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này thì phối hợp cung cấp hồ sơ kỹ thuật, dữ liệu cần thiết trong phạm vi có thể cung cấp.

2. Trong thời gian được lựa chọn làm đầu mối cung cấp thông tin, khi có thay đổi trực tiếp về mức giá, nguồn cung hoặc khả năng cung ứng đối với sản phẩm, dịch vụ đang cung cấp thông tin, thông báo cho Sở Xây dựng để tổng hợp, rà soát.

3. Phối hợp giải trình, bổ sung tài liệu trong phạm vi cần thiết để kiểm chứng thông tin đã cung cấp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, hồ sơ, tài liệu do mình cung cấp.

4. Trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 Điều này không phụ thuộc việc được lựa chọn khảo sát. Đối với các chủ thể khác, việc cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật và đề nghị khảo sát phù hợp với phạm vi, mục đích kiểm chứng, không làm phát sinh nghĩa vụ báo cáo định kỳ ngoài quy định.

5. Trường hợp thuộc đối tượng kê khai, niêm yết giá theo quy định pháp luật, phối hợp cung cấp thông tin đã kê khai, niêm yết để đối chiếu, kiểm chứng giá khi có yêu cầu hợp pháp, trong phạm vi được phép cung cấp.

Điều 21. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh khác

1. Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc lĩnh vực quản lý có liên quan trực tiếp đến khảo sát, thu thập, đối chiếu và xác minh thông tin giá khi có đề nghị của Sở Xây dựng.

2. Phối hợp khảo sát, kiểm tra, xác minh thông tin thuộc phạm vi quản lý; cung cấp ý kiến chuyên ngành đối với các nội dung có liên quan trực tiếp đến dữ liệu khảo sát, nguồn cung, điều kiện thực tế ảnh hưởng đến thông tin giá.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

Điều 22. Chế tài xử lý

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm phối hợp theo Quy chế này thì tùy tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi, cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người thuộc cơ quan, đơn vị nhà nước không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm được giao, việc xem xét trách nhiệm thực hiện theo pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và quy định có liên quan.

3. Đối với tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin sai sự thật, che giấu thông tin hoặc vi phạm nghĩa vụ kê khai, niêm yết giá theo quy định của pháp luật thì cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo pháp luật chuyên ngành; trường hợp vượt thẩm quyền thì chuyển hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi Quy chế có trách nhiệm phân công đầu mối phối hợp và thông báo thông tin đầu mối, việc thay đổi đầu mối bằng văn bản hoặc phương thức điện tử đến Sở Xây dựng để tổng hợp, cập nhật; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phối hợp thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Trong quá trình thực hiện, cơ quan, tổ chức, cá nhân có khó khăn, vướng mắc phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo thẩm quyền; các nhiệm vụ về phương pháp khảo sát, xác định và công bố giá thực hiện theo Nghị định số 206/2026/NĐ-CP, Thông tư số 36/2026/TT-BXD, Thông tư số 37/2026/TT-BXD và pháp luật có liên quan.

PHỤ LỤC

CÁC PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN PHỤC VỤ KHẢO SÁT, THU THẬP THÔNG TIN GIÁ VÀ DỮ LIỆU LIÊN QUAN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

1. Các phiếu tại Phụ lục này là công cụ phối hợp cung cấp, tổng hợp và kiểm chứng thông tin; không thay thế biểu mẫu chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định, không làm phát sinh thủ tục hành chính. Trách nhiệm chủ động tổng hợp, cung cấp thông tin của các đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 11 Thông tư số 36/2026/TT-BXD được thực hiện theo quy định này; các đối tượng khác cung cấp theo yêu cầu khảo sát phù hợp.

2. Mẫu số 01 và Mẫu số 02 sử dụng cho Điều 5; Mẫu số 03 sử dụng cho Điều 7; Mẫu số 04 sử dụng cho khảo sát giá ca máy và thiết bị thi công tại Điều 9; Mẫu số 05 sử dụng cho nội dung phối hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này.

Mẫu số 01

PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin: .....
Địa bàn/địa điểm: .....
Kỳ khảo sát: ..... Ngày cung cấp: ...../...../.....

STT	Tên/loại vật liệu	ĐVT	Tiêu chuẩn/quy cách	Nhà SX/nguồn gốc	Địa điểm cung cấp	Giá bán (chưa VAT)	Điều kiện giao hàng/ vận chuyển	Nguồn hồ sơ minh chứng

Ghi chú: Phiếu này là biểu mẫu phối hợp cung cấp thông tin phục vụ khảo sát, thu thập và kiểm chứng thông tin giá; không thay thế biểu mẫu khảo sát chuyên môn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và không làm phát sinh thủ tục hành chính.

Mẫu số 02

PHIẾU TỔNG HỢP THÔNG TIN KHẢO SÁT GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CỦA UBND XÃ/PHƯỜNG

Cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin: .....
Địa bàn/địa điểm: .....
Kỳ khảo sát: ..... Ngày cung cấp: ...../...../.....

STT	Cơ sở/mỏ/nhà máy/ bãi tập kết	Địa chỉ	Loại vật liệu	Tình trạng hoạt động/ nguồn cung	Giá tham khảo	Thời điểm thông tin	Hồ sơ/tài liệu kèm theo	Ghi chú

Ghi chú: Phiếu này là biểu mẫu phối hợp cung cấp thông tin phục vụ khảo sát, thu thập và kiểm chứng thông tin giá; không thay thế biểu mẫu khảo sát chuyên môn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và không làm phát sinh thủ tục hành chính.

Mẫu số 03

PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN PHỤC VỤ KHẢO SÁT GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG

Cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin: .....
Địa bàn/địa điểm: .....
Kỳ khảo sát: ..... Ngày cung cấp: ...../...../.....

STT	Công trình/dự án/ đơn vị	Địa bàn	Nhóm nhân công	Công việc	Tiền lương thực tế	Thời điểm	Nguồn thông tin/ hồ sơ	Ghi chú

Ghi chú: Phiếu này là biểu mẫu phối hợp cung cấp thông tin phục vụ khảo sát, thu thập và kiểm chứng thông tin giá; không thay thế biểu mẫu khảo sát chuyên môn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và không làm phát sinh thủ tục hành chính.

Mẫu số 04

PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN PHỤC VỤ KHẢO SÁT GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG

Cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin: .....
Địa bàn/địa điểm: .....
Kỳ khảo sát: ..... Ngày cung cấp: ...../...../.....

STT	Tên máy/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Năm SX/ nguyên giá	Giá thuê	Địa bàn	Nguồn thông tin/ hợp đồng, hóa đơn	Máy đã được công bố?	Ghi chú

Ghi chú: Phiếu này là biểu mẫu phối hợp cung cấp thông tin phục vụ khảo sát, thu thập và kiểm chứng thông tin giá; không thay thế biểu mẫu khảo sát chuyên môn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và không làm phát sinh thủ tục hành chính.

Mẫu số 05

PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN, HỒ SƠ KỸ THUẬT VÀ DỮ LIỆU PHỤC VỤ XÁC ĐỊNH ĐỊNH MỨC CÁC HAO PHÍ VÀ DỮ LIỆU CƠ BẢN ĐỂ TÍNH GIÁ CA MÁY

Cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin: .....
Địa bàn/địa điểm: .....
Thời điểm cung cấp: ...../...../.....

STT	Tên máy/thiết bị	Hãng/Model, ký mã hiệu	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật chủ yếu	Nguyên giá/Giá mua (nếu có)	Hồ sơ kỹ thuật/tài liệu kèm theo	Dữ liệu khác theo yêu cầu	Ghi chú

Ghi chú: Phiếu này sử dụng để phối hợp cung cấp hồ sơ kỹ thuật và dữ liệu đối với các loại máy, thiết bị quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này. Chỉ cung cấp các trường thông tin, hồ sơ, dữ liệu theo yêu cầu cụ thể của Sở Xây dựng và phương pháp chuyên ngành tương ứng; không thay thế biểu mẫu chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định và không làm phát sinh thủ tục hành chính.